

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1179/STC - QLNS

V/v Tham gia vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020.

Bắc Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2017

Kính gửi: - Văn phòng UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện, thành phố.

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN; Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính về ban hành Hệ thống Mục lục NSNN;

Căn cứ Công văn số 9076/BTC-KBNN ngày 07/7/2017 về xây dựng quy định phân chia nguồn thu tiền chậm nộp NSDP được hưởng theo quy định cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương.

Sở Tài chính dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Sở Tài chính đề nghị các đơn vị tham gia ý kiến vào bản dự thảo (bản giấy và bản điện tử theo địa chỉ: ngansach_stc@bacgiang.gov.vn) và gửi Sở Tài chính trước ngày 05/8/2017 để Sở Tài chính chỉnh sửa, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh vào kỳ họp tháng 8/2017 và trình HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu VT, NS.

Bản điện tử:

- Nhu kính gửi;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Phòng TC-KH huyện, TP;





Số: /2017/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2017

Dự thảo 1

NGHỊ QUYẾT

Quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XVIII- KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính về ban hành Hệ thống Mục lục NSNN;*

Căn cứ Công văn số 9076/BTC-KBNN ngày 07 tháng 7 năm 2017 về xây dựng quy định phân chia nguồn thu tiền chậm nộp NSDP được hưởng theo quy định cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương

Xét Tờ trình của UBND tỉnh tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2017; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2017 của Ban kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (Luật NSNN);

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các huyện, thành phố (gọi chung là các huyện), các xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã);

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến NSNN.

Điều 2. Nguyên tắc phân chia các khoản thu tiền chậm nộp

1. Hạn chế sử dụng nhiều tỷ lệ phân chia khác nhau đối với khoản thu tiền chậm nộp cũng như giữa các đơn vị hành chính trên địa bàn. Số thu tiền chậm nộp gắn với cấp nào quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp đó.

2. Phân cấp nguồn thu tiền chậm nộp gắn với nhiệm vụ và khả năng quản lý nguồn thu của từng cấp.

Điều 3. Nội dung phân chia nguồn thu tiền chậm nộp giữa các cấp ngân sách

1. Các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

a) Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản và thuế thu nhập cá nhân từ các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ);

b) Tiền chậm nộp từ các sắc thuế: thuế GTGT (trừ thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu), thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế TTĐB thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các đơn vị thuộc khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả các doanh nghiệp có số vốn đầu tư của nhà nước, đầu tư của nước ngoài chiếm tỷ lệ từ 50% trở xuống hoặc không còn phần vốn của nhà nước) và các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể cấp tỉnh quản lý;

c) Tiền chậm nộp thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước;

d) Tiền chậm nộp các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

e) Tiền chậm nộp tiền cho thuê tài sản nhà nước;

g) Tiền chậm nộp các khoản phí, lệ phí và chậm nộp các khoản thu khác còn lại do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quản lý.

2. Các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách cấp huyện hưởng 100%

a) Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân từ các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;

b) Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đổi giấy phép do UBND tỉnh cấp;

c) Tiền chậm nộp thu tiền sử dụng đất;

d) Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà đất);

e) Tiền chậm nộp các khoản phí, lệ phí và chậm nộp các khoản thu khác còn lại do các cơ quan nhà nước cấp huyện, thành phố quản lý.

3. Các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách cấp xã hưởng 100%

a) Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản;

b) Tiền chậm nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất;

c) Tiền chậm nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

d) Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ nhà, đất;

e) Tiền chậm nộp các loại phí, lệ phí và chậm nộp các khoản thu khác do UBND xã, phường, thị trấn quản lý.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2017 và được thực hiện trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2017 đến năm 2020.

2. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá XVIII kỳ họp thứ 04 thông qua ngày tháng năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp; Trung tâm TT;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XVIII;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị-XH tỉnh;
- Các cơ quan, ban , ngành trực thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Viện KSND, TAND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức xã hội-nghề nghiệp tỉnh;
- TT Tin học - Công báo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THTT.

Bản điện từ:

- Thường trực, các ban của HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

